

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2025/HNGĐ
Ngày: 28/4/2025
“V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Nam

2. Ông Lê Văn Được

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Vân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh:
Ông Nguyễn Văn Đăng, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/3/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Dương Văn H, sinh ngày 05/5/1982. Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm V, sinh ngày 26/02/1985. Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Dương Văn H trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Vào năm 2005 anh H và chị Nguyễn Thị Cẩm V tự nguyện cưới nhau và năm 2006 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Thời gian chung sống hạnh phúc cho đến khoảng năm 2021 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do chị V cờ bạc và vay nợ tiền bên ngoài, từ đó vợ chồng thường hay cãi vã nhau, đến tháng 5/2021 chị V đi Thành Phố Hồ Chí Minh làm thuê cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Cẩm V.

- Về con chung có hai con con chung tên Dương Thị Ngọc Y sinh ngày 03/11/2006 đã thành niên sống tự lập và Dương Nguyễn Trọng N sinh ngày 28/5/2017 anh H đang nuôi dưỡng. Anh H yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm V, mặc dù Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị V không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, cũng không có yêu cầu phản tố hay cung cấp chứng cứ gì. Chị V vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm V vắng mặt nên không có trình bày.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cho anh H ly hôn chị V. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Dương Thị Ngọc Y sinh ngày 03/11/2006 đã thành niên nên không đặt ra yêu cầu giải quyết. Giao con tên Dương Nguyễn Trọng N, sinh ngày 28/5/2017 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con. Anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị không xét. Về tài sản chung, nợ chung anh H không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về án phí buộc anh H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa anh H và chị V là tranh chấp về ly hôn và nuôi con; bị đơn cư trú tại huyện C, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Tại phiên tòa hôm nay, chị V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị V.

[2] Về hôn nhân: Anh Dương Văn H và chị Nguyễn Thị Cẩm V chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 27/11/2006 là đúng quy định. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của anh H và chị V là hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu của anh H xin ly hôn chị V, theo lời khai của anh H tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay thì trong thời gian chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì, nhưng do anh thường xuyên đi làm vắng nhà, chị V cờ bạc gây ra nợ anh không biết, khi chủ nợ đến đòi, chị V mới thừa nhận cờ bạc gây ra nợ, tuy nhiên anh có khuyên cố gắng làm trả nợ, sau đó anh đi làm chị V ở nhà bỏ đi Thành Phố Hồ Chí Minh làm thuê và vợ chồng ly thân từ năm 2021 cho đến nay, thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai, mặc dù anh có kêu chị V về đoàn tụ nhưng chị V không về, anh yêu cầu ly hôn chị V chấp nhận ly hôn, hứa về nhiều lần mà cũng không về. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn anh H cương quyết xin được ly hôn chị V.

Qua xác minh của Tòa án thì cha chị V trình bày là vợ chồng mâu thuẫn như thế nào thì ông không rõ, hiện tại chị V đi làm ở Thành Phố Hồ Chí Minh, do không xin nghỉ được nên không về giải quyết việc hôn nhân theo giấy triệu tập của Tòa án. Tuy nhiên, chị V đồng ý ly hôn và không có yêu cầu gì khác.

Tòa án xét thấy hôn nhân là tự nguyện và phải thương yêu chăm sóc nhau, cho nên Tòa cho anh H và chị V đoàn tụ thì đời sống chung hạnh phúc không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H là có căn cứ được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh H và chị V có hai con con chung tên Dương Thị Ngọc Y sinh ngày 03/11/2006 đã thành niên sống tự lập và Dương Nguyễn Trọng N, sinh ngày 28/5/2017 đang sống chung với anh H, có nguyện vọng sống chung với anh H và anh H yêu cầu được nuôi con chung, nên cần giao con cho anh H tiếp tục nuôi con theo nguyện vọng của con là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, về nợ chung: Anh H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Anh H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

[6] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ đúng pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 56; 57; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Anh Dương Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị Cẩm V.

- Về con chung: Dương Thị Ngọc Y sinh ngày 03/11/2006 đã thành niên sống tự lập, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Giao con tên Dương Nguyễn Trọng N, sinh ngày 28/5/2017 cho anh Dương Văn H trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Thị Cẩm V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Anh Dương Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011597 ngày 06/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Anh H đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- Chi cục THADS huyện Cầu Ngang;
- UBND xã Hiệp Mỹ Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Tranh